

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM QUỐC GIA

Số: **89** /VKNQG-TCHC
Vv: Báo giá dịch vụ cung cấp, lắp
đặt điều hòa nhiệt độ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **22** tháng **4** năm 2025

Kính gửi: Quý cơ quan, tổ chức cung cấp, lắp đặt điều hòa nhiệt độ

Căn cứ nhu cầu về việc mua, lắp đặt điều hòa nhiệt độ của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia;

Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia đề nghị Quý cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật báo giá dịch vụ cung cấp, lắp đặt điều hòa nhiệt độ nội dung như sau:

- Danh mục báo giá: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí: khảo sát, lắp đặt, cung cấp vật tư và phụ kiện liên quan, chạy thử nghiệm; Bên Viện không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

- Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng dự toán kinh phí mua sắm, lắp đặt điều hòa nhiệt độ năm 2025

- Thời hạn gửi báo giá: Trước 17h00 ngày 26 tháng 4 năm 2025.

- Yêu cầu báo giá: 01 bản chính bằng tiếng Việt.

- Hình thức gửi báo giá: Bản cứng báo giá (yêu cầu có chữ ký của người đại diện và đóng dấu của cơ quan, đơn vị).

- Địa điểm nhận báo giá: Phòng Tổ chức – Hành chính, Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 024.3933.5741, Email: tchcvkn@gmail.com

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCHC.



Lê Thị Phương Thảo

DANH MỤC BÁO GIÁ DỊCH VỤ CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ

(Kèm theo Công văn số 89 /VKNOG – TCHC ngày 22 / 4 /2025)

Stt	Nội Dung	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Điều hòa	- Loại điều hòa: 1 chiều lạnh; - Công suất làm lạnh: ≥ 17.000 Btu/h; - Loại gas: R32; - Công nghệ: Inverter tiết kiệm điện; - Độ ồn trung bình dàn lạnh: ≤ 45 dB - Độ ồn trung bình dàn nóng: ≤ 50 dB - Nguồn điện (V/Ph/Hz): 220-240V/50Hz; - Bảo hành: toàn bộ máy ≥ 1 năm, máy nén ≥ 5 năm.	Chiếc	22
2.	Nhân công tháo máy cũ 9.000 – 18.000btu		bộ	14
3.	Nhân công lắp máy (tầng 1,2,3)		bộ	5
4.	Nhân công lắp máy với vị trí khó (mặt ngoài tầng 4,5,6,7,8)		bộ	17
5.	Ống đồng	Độ dày ống ≥ 7 mm	m	135
6.	Bảo ôn máy		m	135
7.	Vải bảo ôn		m	135
8.	Dây điện	Loại dây 2x4mm	m	450
9.	Phụ kiện lắp máy		bộ	22
10.	Chân giá máy		bộ	22
11.	Ống thoát nước mềm		m	120
12.	Aptomat	C20	Cái	22

Ghi chú: Báo giá ghi chi tiết các nội dung về Giá và hiệu lực báo giá; Chất lượng dịch vụ và các điều kiện khác.